CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)

FireAnt

Ngày 31/12/2024	6,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	15.5%	**6.3%**	**0%**

ROE (2024): 3.2% | +/- YoY ▲ 1.4%

DT thuần (Q4/24): 283 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 15.0 ▲ 5.7% | YoY ▲ 106 ▲ 60.1%

DT thuần (2024): 880 tỷ VNĐ | YoY ▲ 209 ▲ 31.2%

LN gộp (Q4/24): 9.90 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 0.21 ▲ 2.2% | YoY ▼ 2.00 ▼ 16.8%

LN gộp (2024): 38.8 tỷ VNĐ | YoY ▼ 8.40 ▼ 17.8%

LN thuần (Q4/24): 4.12 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 3.09 ▲ 300% | YoY ▲ 3.62 ▲ 725%

LN thuần (2024): 5.35 tỷ VNĐ | YoY ▲ 0.17 ▲ 3.3%

LN sau thuế (Q4/24): 4.06 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 3.09 ▲ 318% | YoY ▲ 3.58 ▲ 745%

LN sau thuế (2024): 8.10 tỷ VNĐ | YoY ▲ 3.65 ▲ 82.3%

Kết quả kinh doanh

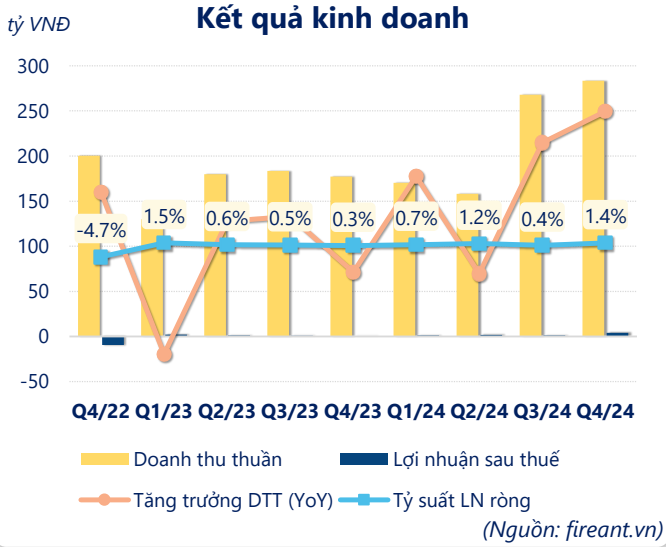

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

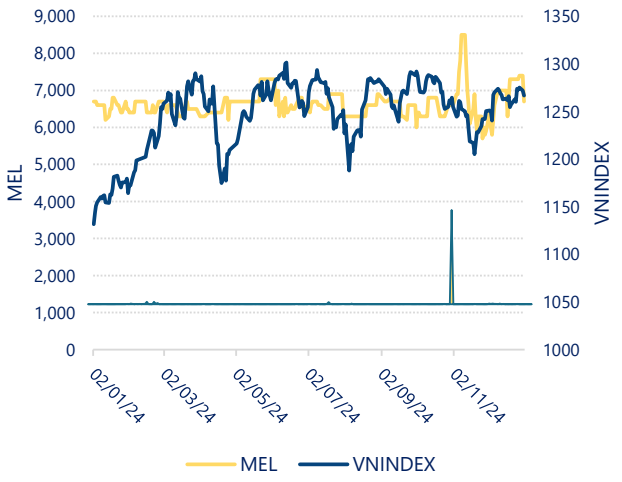

CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)

Tăng trưởng lợi nhuận

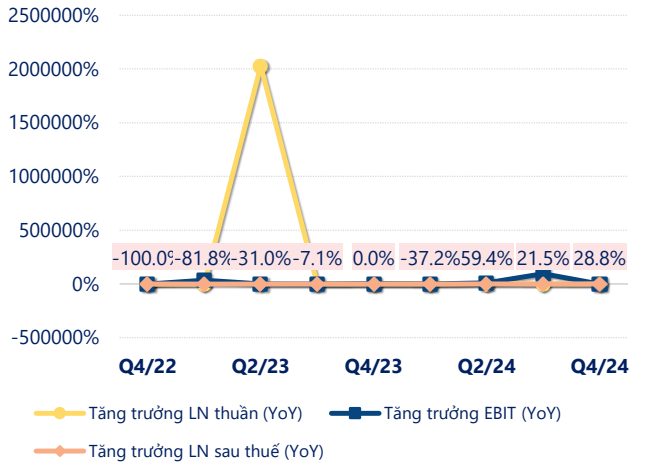

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

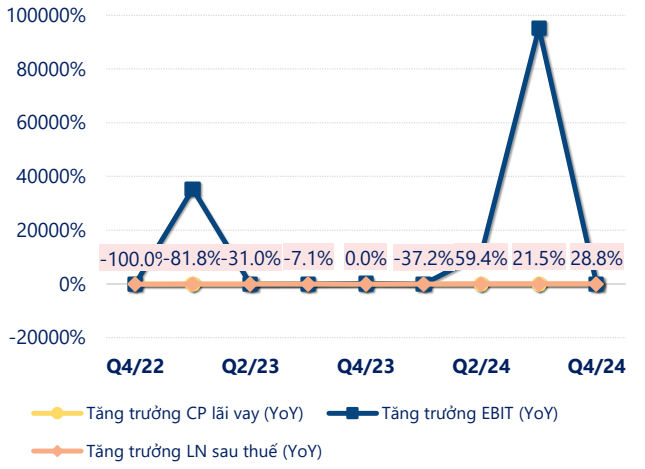

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

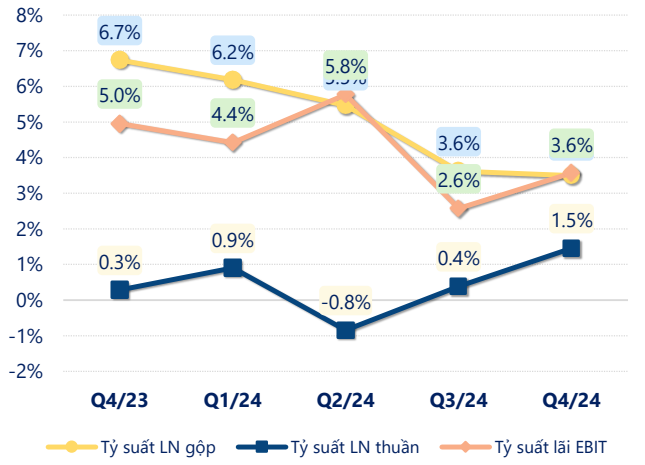

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

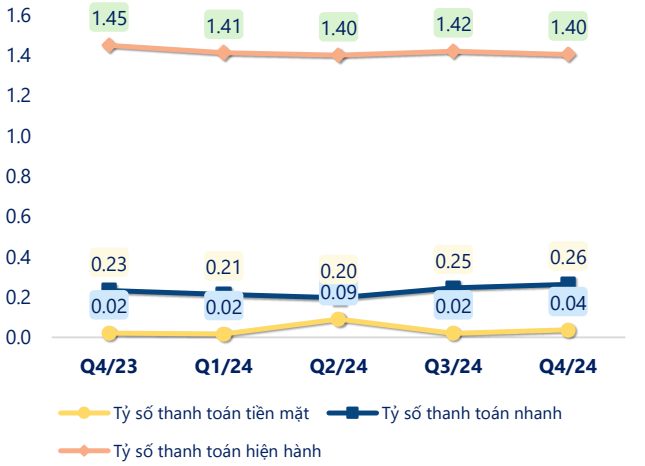

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

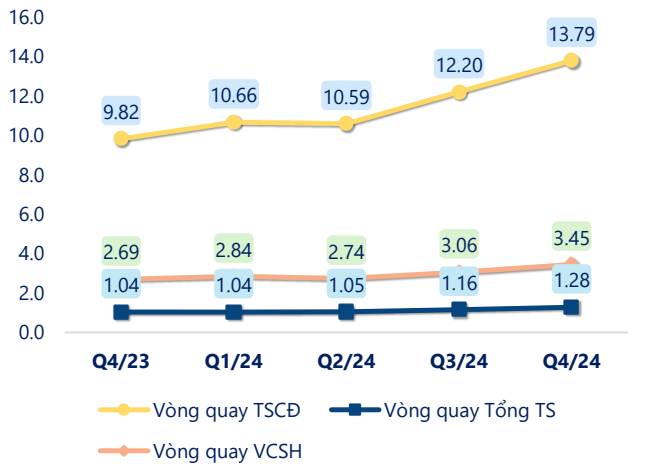

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

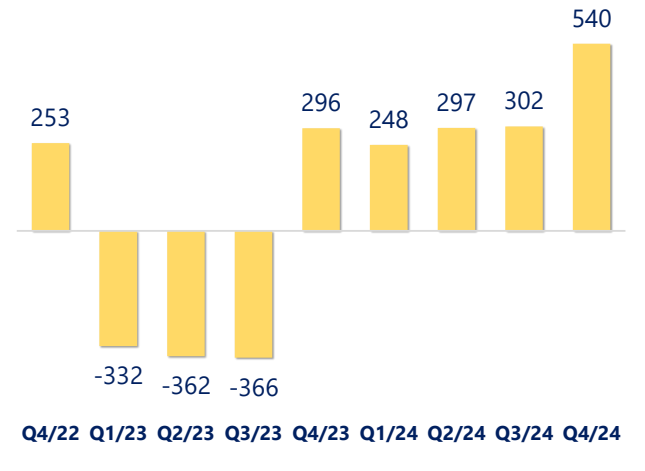

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**283**	**177**	**60.1%**	**880**	**671**	**31.2%**
Giá vốn hàng bán	273	165	65.7%	841	624	34.9%
Lợi nhuận gộp	9.90	11.9	-16.8%	38.8	47.2	-17.8%
Doanh thu HĐTC	3.46	0.07	4849%	3.72	0.60	521%
Chi phí TC	6.18	8.68	-28.8%	25.2	29.2	-13.6%
Chi phí lãi vay	5.91	8.18	-27.8%	24.4	28.2	-13.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.82	0.93	-12.0%	3.30	4.55	-27.4%
Chi phí QLDN	**2.25**	**1.90**	**18.3%**	**8.62**	**8.84**	**-2.5%**
LN thuần từ HĐKD	4.12	0.50	725%	5.35	5.18	3.3%
Lợi nhuận khác	**0.09**	**0.10**	**-9.3%**	**3.95**	**0.39**	**913%**
LN trước thuế	4.21	0.60	602%	9.30	5.57	67.0%
Lợi nhuận sau thuế	**4.06**	**0.48**	**745%**	**8.10**	**4.45**	**82.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.06**	**0.48**	**745%**	**8.10**	**4.45**	**82.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

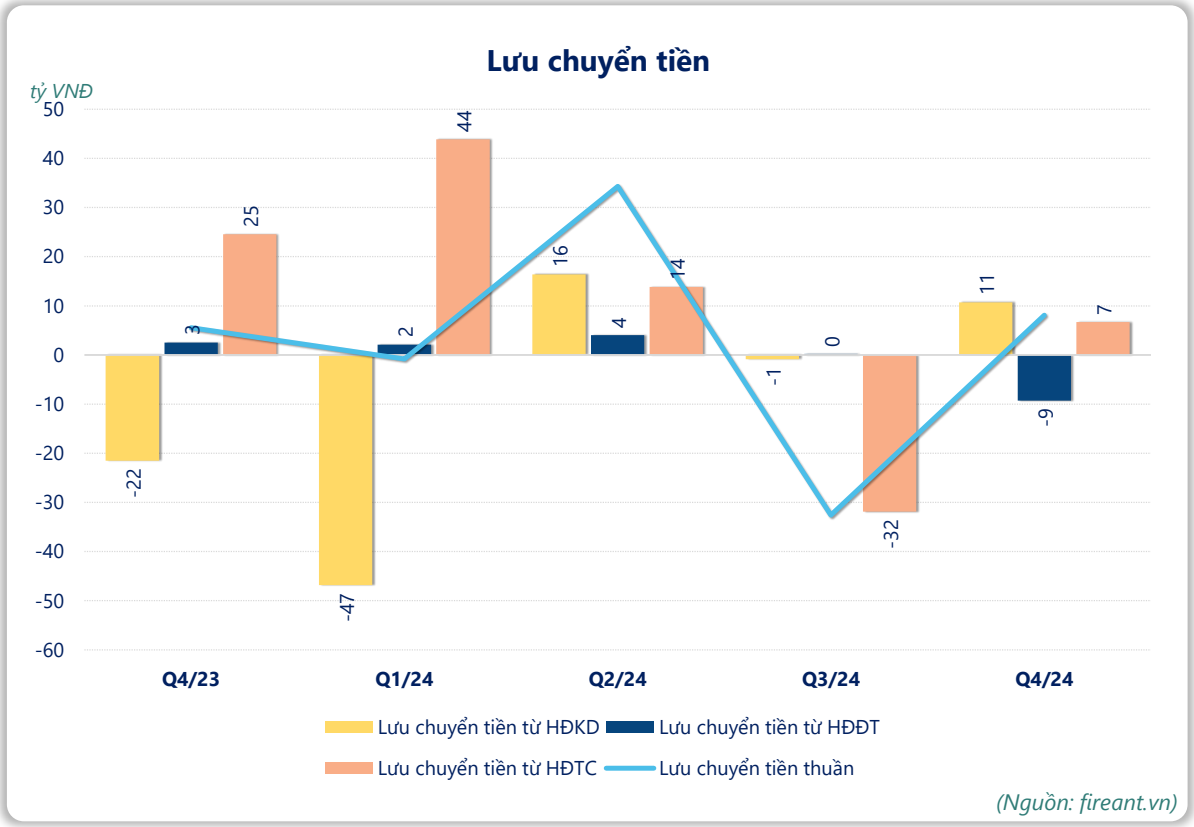

(Nguồn: fireant.vn)